

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

V/v xây dựng Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội
05 năm 2026-2030

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh,
phụ trách địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 05 năm 2026-2030; Công văn số 16684/BTC-TH ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm giai đoạn 2021-2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 2026-2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3317/STC-THQH ngày 23/10/2025, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, phụ trách địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan (*sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị và địa phương*) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 với các yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Nguyên tắc, yêu cầu

a) Đối với đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển KTXH theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban bí thư, Quốc hội, Chính phủ, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND các cấp về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025, các nghị quyết chuyên đề, kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, chỉ đạo của

UBND tỉnh trong chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH giữa kỳ và hàng năm giai đoạn 2021-2024 (*trước hợp nhất, sáp nhập các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (cũ)*) và năm 2025; các sở, ban, ngành, địa phương (*sau hợp nhất, sáp nhập*) chủ động phối hợp với Thống kê tỉnh, các đội Thống kê cơ sở đóng trên địa bàn để rà soát, cập nhật, hợp nhất số liệu, dữ liệu, tổ chức đánh giá toàn diện việc thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách, quản lý.

- Đánh giá đầy đủ, đúng thực chất, khách quan, trung thực, có so sánh với giai đoạn 2016-2020 và khu vực, địa phương khác (nếu có), bao gồm: kết quả đạt được, nhất là các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2021-2025, so sánh với các chỉ tiêu, mục tiêu tương tự của giai đoạn 2016-2020; phân tích, đánh giá súc tích, trọng điểm những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh...; các khó khăn, hạn chế, yếu kém, trong đó: phân tích kỹ, làm rõ nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế, yếu kém (*chủ quan và khách quan*) để rút ra bài học kinh nghiệm, xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá, hiệu quả cho giai đoạn 2026-2030.

- Huy động, phát huy sự phối hợp rộng rãi của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức và các chuyên gia (*nếu có*) để nâng cao chất lượng báo cáo.

b) Đối với việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030

- Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 phải bám sát đường lối, chủ trương, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 32-BC/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025; nội dung văn kiện Đại hội Đảng các cấp; các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo chủ chốt.

Định hướng phát triển phải đảm bảo các nội dung: tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng phải bền vững với mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10%/năm trở lên; phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khai thác hiệu quả lợi thế của hội nhập quốc tế sâu rộng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã

hội; không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Mục tiêu là hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, toàn diện và mang lại lợi ích cho mọi người dân.

- Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện, đầy đủ, phù hợp tình hình và kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025; dự báo kịp thời, sát tình hình trong tỉnh, trong nước, trên thế giới trong thời gian tới; phải có tầm nhìn, tư duy phát triển mới, đột phá để nắm bắt và tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua thách thức cũng như khắc phục những hạn chế, yếu kém của giai đoạn 2021-2025; kết hợp giữa tăng cường, phát huy nội lực với khai thác, huy động và tận dụng hiệu quả ngoại lực, trong đó nội lực là cơ bản, có vai trò quyết định, ngoại lực là quan trọng, đột phá.

- Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 05 năm về phát triển KTXH của cả nước; với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các kế hoạch 05 năm 2026-2030 của cơ quan, đơn vị, địa phương và đảm bảo tính kết nối với các ngành, địa phương trong tỉnh; bảo đảm tính kết nối vùng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng, phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng của cả nước; phù hợp với quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy, hệ thống chính trị. Cần tập trung khai thác, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của địa phương để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2026-2030 phải bảo đảm tính khả thi, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn. Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả tỉnh, cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch. Trong đó, đối với các chỉ tiêu KTXH chủ yếu 05 năm 2026-2030, bám sát, xây dựng theo 02 bộ chỉ tiêu thống kê KTXH cấp tỉnh, cấp xã theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 12067/BTC-CTK ngày 07/8/2025, chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2735/UBND-KTTH ngày 22/9/2025 và các chỉ tiêu KTXH chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, các chỉ tiêu KTXH chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

- Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải: (i) mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, khả thi, hiệu quả, phù hợp với khả năng thực hiện và cụ thể, mang tính hành động cho các ngành, các cấp, các địa phương với tinh thần: “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”; (ii) bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” và lượng hóa được; (iii) huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; (iv) phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; (v) huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp, người dân vào quá trình phát triển KTXH.

- Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp, các địa phương. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi nhằm tạo sự đồng thuận cao trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Kinh phí

Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030, bao gồm: đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Nội dung của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục 1, xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 với các nội dung chủ yếu, gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025

(1) Bối cảnh triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025: nêu khái quát những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu.

(2) Đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các chỉ tiêu khác thuộc ngành, lĩnh vực đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ); Nghị quyết của HĐND các địa phương về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025; trong đó, phân tích sâu về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế (*đặc biệt là kết quả thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Trung ương; Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để bảo đảm tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3-8,5%; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025*) thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu: tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng suất lao động, thu chi ngân sách nhà nước, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn,...

(3) Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển KTXH, trong đó có kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

(4) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; đổi mới

công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh; về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

(5) Kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Trong đó tập trung đánh giá: cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ, nhất là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả, xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành dịch vụ, du lịch, thương mại điện tử...; đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng, khả năng hoàn thành mục tiêu của chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và tình hình phát triển doanh nghiệp tư nhân; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

(6) Đánh giá tình hình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực (*nhà nước, ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài...*); giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án lớn, quan trọng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia...; phát triển các loại thị trường.

(7) Tiến độ triển khai và kết quả hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng, trong đó các dự án quan trọng, như: đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; một số đường cấp thiết; các tuyến đường thủy nội địa quan trọng, liên vùng...; phát triển hạ tầng năng lượng (*điện, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch,...*), hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng thương mại, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nông thôn, đô thị...

(8) Đánh giá công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số Quốc gia. Trong đó, tập trung đánh giá:

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó, làm rõ một số nội dung sau: (i) Các trọng điểm đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như chương trình hành động cụ thể của tỉnh, của cơ quan, đơn vị, địa phương; (ii) Các dự án/nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; (iii) Đánh giá việc đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia (*như các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm, hạ tầng thông tin và thống kê khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ,...*).

- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục như Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số; triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

(9) Kết quả triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh, vùng; phát triển vùng, liên kết vùng (*trong đó, đánh giá một số dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng*); tình hình phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, phát triển đô thị, đô thị thông minh, phát triển kinh tế biển; xây dựng nông thôn mới;...

(10) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, y tế trong đó tập trung các nội dung: triển khai thực hiện Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đổi mới, nâng cao chất lượng các chính sách xã hội, việc làm, giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc... đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân.

(11) Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường theo Chương trình nghị sự 2030. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính...

(12) Đánh giá công tác nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển (*như xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; cải cách tiền lương...*); sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

(13) Tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030.

(14) Đánh giá công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh.

(15) Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan chủ yếu của các kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, yếu kém; từ đó, khái quát, rút ra các bài học kinh nghiệm lớn để xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với đặc điểm, tình hình thực tiễn và lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Về dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030

(1) Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030: dự báo, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của tình hình quốc tế, khu vực, trong nước và trong tỉnh tác động đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

(2) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

(3) Các chỉ tiêu chủ yếu: Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương; các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển cụ thể, có định lượng, rõ kết quả của ngành, lĩnh vực, địa phương. Trong đó, phải phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP;... theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030.

(4) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực hoàn thiện hệ thống pháp luật với cấu trúc tinh gọn, hợp lý, khoa học; thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản trị xã hội. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển thị trường khoa học công nghệ, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển; tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện công vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phát hiện, thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành cơ chế, chính sách cụ thể, minh bạch để bảo vệ, khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi; khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm.

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, tạo bút phá mạnh mẽ; tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển. Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của các loại thị trường. Triển khai các giải pháp đột phá, trọng tâm, có tính khả thi cao để đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, giải phóng nguồn lực trong giai đoạn 2026-2030. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển kinh tế tư nhân là động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo; triển khai quyết liệt Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Phát triển doanh nghiệp tư nhân; ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược của đất nước. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp sáng tạo, công nghệ chiến lược, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Xây dựng các trọng tâm đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn đáp ứng kết nối, chia sẻ thông suốt từ trung ương đến địa phương, trung tâm dữ liệu lớn, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất và thể chất người học gắn với việc xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Quảng Ngãi nói riêng và người Việt Nam nói chung, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Hệ thống giáo dục phải được đổi mới sâu rộng, tập trung phát triển các kỹ năng sáng tạo, kỹ năng khởi nghiệp, STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học), ngoại ngữ (*đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học*), kỹ năng số và công nghệ hiện đại. Triển khai hiệu quả Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035. Tập trung xây dựng hệ thống trường liên cấp (*tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông*) ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu dạy học.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... trọng tâm gồm: Tập trung đầu tư, hoàn thành các dự án hạ tầng của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn mới, bảo đảm an ninh năng lượng...

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Thúc đẩy công nghiệp văn hóa; thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình MTQG đã thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 và được tiếp tục thực hiện các giai đoạn tiếp theo hoặc chuyển tiếp thực hiện từ 2026-2030. Thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển sau khi được ban hành. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải; Quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân trong hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản có chứa phóng xạ tự nhiên.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế... Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

(5) Các Phụ lục một số chỉ tiêu ngành, lĩnh vực liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 bảo đảm thống nhất về nguyên tắc, mục tiêu chung, phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương; bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, danh mục các dự

án được đề xuất trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

3. Tổ chức thực hiện

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng phục vụ cho xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra, cụ thể:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Bám sát các nội dung yêu cầu tại **Công văn này**, khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 (**có Đề cương báo cáo và các Phụ lục, Biểu mẫu kèm theo**); gửi dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 của cơ quan, đơn vị, địa phương đến Sở Tài chính **trước ngày 31/10/2025**.

Đối với chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), sử dụng số liệu chính thức do Cục Thống kê, Bộ Tài chính tính toán và công bố cho từng năm từ năm 2021 đến năm 2024; phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2025 và giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch 2026-2030, **trong đó: đối với các chỉ tiêu KTXH chủ yếu 05 năm 2026-2030, bám sát, xây dựng theo 02 bộ chỉ tiêu thống kê KTXH cấp tỉnh, cấp xã theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 12067/BTC-CTK ngày 07/8/2025, chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2735/UBND-KTTH ngày 22/9/2025 và các chỉ tiêu KTXH chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, các chỉ tiêu KTXH chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030** để đảm bảo chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 phân đầu từ 10%/năm trở lên.

- UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cộng đồng liên quan về dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 của địa phương nhằm tạo sự đồng thuận cao trước khi trình HĐND cùng cấp quyết định.

- Ban hành Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 của ngành, lĩnh vực và địa phương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai xây dựng Kế hoạch và báo cáo theo quy định của pháp luật.

b) Thống kê tỉnh: Chủ động phối hợp với Cục Thống kê, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, ước thực hiện năm 2025 và giai đoạn 2021-2025; dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 với chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 phân đầu từ 10%/năm trở lên; báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) **trước ngày 31/10/2025**.

c) Sở Tài chính

- Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh **trước ngày 05/11/2025** để gửi dự thảo Báo cáo đến Bộ Tài chính.

- Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, như: các Sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức phi Chính phủ, nhất là các nhà đầu tư và doanh nghiệp và các nhà tài trợ, các chuyên gia,... về dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030.

- Tiếp thu ý kiến, tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 tham mưu UBND tỉnh trình cấp thẩm quyền.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026-2030 gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

- Bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm để triển khai xây dựng Kế hoạch và báo cáo theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) để chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.NTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Ngọc